

Số: ~~2790~~ HD-UBND

Quảng Trị, ngày 28 tháng 6 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 do UBND tỉnh Quảng Trị quy định, gồm 5 tiêu chí: giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin truyền thông và 01 chỉ tiêu (Chỉ tiêu số 17.4- *Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch*), cụ thể như sau:

1. TIÊU CHÍ SỐ 02-GIAO THÔNG

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng	
		Đồng bằng	Miền núi
Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%
	2.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥85%	≥65%
	2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%	≥80%
	2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥80%	≥60%

2. Phương pháp đánh giá:

a) Giải thích từ ngữ:

- Cứng hóa là đường được rải nhựa, bê tông, lát gạch, đá chẻ hoặc rải cấp phối và lu lèn bằng đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xi;
- Đường trục xã là đường nối trung tâm hành chính xã đến trung tâm các thôn;

- Đường trục thôn là đường nối trung tâm thôn đến các cụm dân cư trong thôn;
- Đường ngõ, xóm là đường nối giữa các hộ gia đình trong các cụm dân cư;
- Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của thôn, xã.

b) Phương pháp đánh giá:

Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Cấp đường	Hướng dẫn đánh giá
2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	A	-Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m; -Chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m vùng đồng bằng, 6,0 m đối với vùng miền núi; - Kết cấu mặt đường điển hình: BTXM M250-300 dày 18-20cm.
	B	-Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5 đối với vùng đồng bằng, 3.0m đối vùng miền núi; -Chiều rộng nền đường tối thiểu 5m đối với đồng bằng, 4m đối với vùng núi; - Kết cấu mặt đường điển hình: BTXM M250 dày 16-18cm.
2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	B	Áp dụng theo đường cấp B của đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện (2.1).
	C	-Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3m đối với vùng đồng bằng, 2m đối với vùng miền núi; -Chiều rộng nền đường tối thiểu 4m đối với đồng bằng, 3m đối với vùng miền núi; - Kết cấu mặt đường điển hình: BTXM $\geq$ M200 dày 14-16cm
2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	D	-Chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5 m; -Chiều rộng nền đường tối thiểu 2,0 m; -Kết cấu mặt đường điển hình: BTXM $\geq$ M200 dày 10-14cm.
2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		

c) Một số yêu cầu khác đối với đường giao thông nông thôn khi công nhận xã đạt chuẩn

- Đối với rãnh thoát nước hai bên các tuyến đường trục xã, trục thôn qua khu dân cư:Yêu cầu tối thiểu 70% các tuyến đường trục xã, trục thôn đi qua khu dân cư phải có rãnh thoát nước, kết cấu rãnh có thể bằng bê tông, gạch xây, đá xây hoặc rãnh đất nhưng phải đảm bảo khả năng thoát nước tốt;

- Đối với trồng cây bóng mát trên các tuyến đường trục xã (đối với những đoạn có thể trồng được): Các tuyến đường trục xã yêu cầu phải trồng cây bóng mát (đạt 80% đối với khu vực đồng bằng, 50% khu vực miền núi), khoảng cách giữa các cây tùy loại cây nhưng đảm bảo mỹ quan; khuyến khích trồng cây bóng mát đối với các tuyến giao thông khác như đường trục thôn, ngõ xóm, trục chính nội đồng. Cây phải được trồng thẳng hàng, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến hành lang an toàn lưới điện.

II. TIÊU CHÍ SỐ 03 -THỦY LỢI

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo vùng	
		Đồng bằng	Miền núi
	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt
Thủy lợi	3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt

2. Giải thích từ ngữ

- Đất sản xuất nông nghiệp là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, bao gồm đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm;

- Đất trồng cây hàng năm là đất sử dụng vào mục đích trồng các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch không quá một (01) năm; kể cả đất sử dụng theo chế độ canh tác không thường xuyên theo chu kỳ. Đất trồng cây hàng năm bao gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;

- Đất trồng cây hàng năm khác là đất trồng các cây hàng năm (trừ đất trồng lúa), gồm chủ yếu để trồng rau, màu, cây thuốc, mía, đay, gai, cói, sả, dâu tằm, đất trồng cỏ hoặc cỏ tự nhiên có cải tạo để chăn nuôi gia súc. Đất trồng cây hàng năm khác bao gồm đất bằng trồng cây hàng năm khác và đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác;

- Đất trồng cây lâu năm là đất trồng các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch là trên một (01) năm; kể cả loại cây có thời gian sinh trưởng như cây hàng năm nhưng cho thu hoạch trong nhiều năm như thanh long, chuối, dưa...;

- Diện tích gieo trồng: Là diện tích canh tác trên đó thực tế có gieo trồng các loại cây nông nghiệp trong thời vụ gieo trồng nhằm thu hoạch sản phẩm phục vụ cho nhu cầu con người;

- Diện tích gieo trồng cả năm là tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm các vụ và diện tích gieo trồng cây lâu năm;

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới hoặc tiêu nước kịp thời, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

3. Phương pháp đánh giá:

Xã được đánh giá là đạt tiêu chí thủy lợi khi đạt cả 2 nội dung nêu trên (3.1 và 3.2)

a) Tiêu chí “3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động”:

- Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động trên tổng số diện tích gieo trồng cả năm theo kế hoạch;

- Đối với các xã có đất nuôi trồng thủy sản được đánh giá là đạt chỉ tiêu 3.1 khi có diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

b) Tiêu chí “3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ”:

- Về tổ chức bộ máy:

+ Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (theo quy định tại Điều 22 - Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ) và hàng năm được kiện toàn;

+ Phân công trách nhiệm cụ thể của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Về nguồn nhân lực:

+ Hàng năm, 100% cán bộ tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nhằm nâng cao năng lực, trình độ (cấp xã);

+ Thường xuyên duy trì hoạt động của các đội xung kích phòng, chống thiên tai; nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng quản lý đề nhân dân (nếu có) đáp ứng yêu cầu ứng phó khi có thiên tai xảy ra;

+ Tối thiểu 70% số người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.

- Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh;

+ Có kế hoạch phòng, chống thiên tai (cấp xã) được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ;

+ Có phương án cụ thể, chi tiết đề ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn và được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình khi thiên tai xảy ra;

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã phải chuẩn bị, duy trì thường xuyên hoặc có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Tổ chức diễn tập phương án ứng phó thiên tai tại xã định kỳ (trong 5 năm phải có ít nhất 01 lần diễn tập).

- Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:

+ Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng: Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: Sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đô thị (nếu có); 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai;

+ Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai: Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo để ứng phó với thiên tai; đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ thông tin; 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống cảnh báo và hướng dẫn;

+ Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời; ngăn chặn không để phát sinh những vụ vi phạm mới xảy ra.

III. TIÊU CHÍ SỐ 06 -CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi
Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
	6.3. Tỷ lệ thôn, bản, có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%

2. Phương pháp đánh giá

2.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã:

a) Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng xã

- Diện tích đất quy hoạch: Đồng bằng tối thiểu 500m²; miền núi tối thiểu 300m²;

- Quy mô: Vùng đồng bằng 200 chỗ ngồi trở lên; vùng núi 150 chỗ ngồi trở lên;

- Trang thiết bị và bố trí các phòng chức năng:

+ Có sân khấu, có lối vào cánh gà hai bên sân khấu, bàn, ghế, phòng màn, cờ tổ quốc, tượng Bác Hồ, bức nói chuyện; thiết bị âm thanh, ánh sáng đảm bảo tổ chức tốt hội nghị và biểu diễn chương trình nghệ thuật;

+ Có các phòng chức năng sau: Có phòng đọc- thư viện, có tủ hoặc giá sách (tối thiểu 300 cuốn); có phòng truyền thanh của xã, có bộ máy phát thanh đến các thôn (không dây hoặc có dây). Khuyến khích các xã xây dựng phòng truyền thống (có thể gắn chung với phòng thư viện). Các phòng chức năng nên bố trí liền kề nhà văn hóa, trường hợp đặc biệt không thể liền kề thì bố trí tách rời nhưng phải đảm bảo thuận lợi trong việc quản lý và khai thác sử dụng.

- Công trình phụ trợ: Nhà để xe, nhà vệ sinh;

- Sân khấu ngoài trời: Tùy điều kiện thực tế, khuyến khích các địa phương huy động các nguồn lực để xây sân khấu ngoài trời phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao của xã, sân khấu ngoài trời được bố trí trong khuôn viên khu thể thao của xã. Sân khấu ngoài trời được xây cứng, có bậc lên xuống, lát nền, độ cao từ 0,5m đến 0,8m; diện tích tối thiểu (7x12)m; có khung, giàn để trang trí.

b) Khu thể thao xã:

- Có quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch;

- Khu thể thao diện tích quy hoạch tối thiểu 2.000m² đối với khu vực đồng bằng, quy hoạch tối thiểu 1.200m² đối với khu vực miền núi (chưa tính sân vận động);

- Sân vận động xã: Diện tích tối thiểu 10.000 m², sân vận động có hàng rào, sân khấu, hành lang, đường chạy và các thiết bị tập luyện các môn thể thao khác phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Hàng rào sân vận động có thể là hàng rào cây xanh, hoặc hàng rào cứng.

Tùy điều kiện thực tế của từng xã, địa điểm công trình văn hóa, thể thao xã có thể liền kề hoặc tách rời nhau nhưng phải đúng quy hoạch. Công trình văn hóa, thể thao đảm bảo có trang thiết bị, dụng cụ hoạt động phù hợp.

2.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

Điểm vui chơi, giải trí thể thao cho trẻ em và người cao tuổi được bố trí tại Trung tâm Văn hóa thể thao xã và các điểm vui chơi, giải trí, thể thao phù hợp. Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi có thể bố trí trong nhà hoặc ngoài trời, ở địa điểm bất kỳ trên địa bàn xã phù hợp với điều kiện của địa phương (không tính điểm vui chơi trong các trường học), cụ thể như sau:

- Với trẻ em: Đảm bảo không gian rộng từ 100m² trở lên, mặt sàn phẳng, sạch, không trơn trượt; có lắp đặt các thiết bị đồ chơi, thiết bị phục vụ giải trí cho trẻ em đảm bảo quy chuẩn an toàn. Điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động tuyên truyền chống đuối nước cho trẻ em được in thành panô bố trí tại điểm vui chơi giải trí;

- Với người cao tuổi: Không gian thoáng, mát, sạch sẽ, có cây xanh, ghế đá và các thiết bị phù hợp với nhóm hoạt động thư giãn như: đi bộ, tập dưỡng sinh, tập thể dục, thể thao, chơi bóng, chơi cờ; văn nghệ, đọc sách báo...

2.3. Thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

a) Nhà văn hóa thôn

- Có quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch, diện tích đất đồng bằng tối thiểu 300m²; miền núi tối thiểu 200m²;

- Quy mô xây dựng: Vùng đồng bằng 100 chỗ ngồi trở lên; vùng núi 80 chỗ ngồi trở lên, có sân khấu từ 25-30m²;

- Nhà văn hóa thôn đảm bảo được đóng trần, lát gạch sàn, sơn tường và có hệ thống cửa chắc chắn;

- Trang thiết bị tối thiểu gồm:

+ Phòng màn, cờ đảng, cờ tổ quốc, bức nói chuyện, bức tượng, tượng bán thân Bác Hồ;

+ Bàn ghế đảm bảo nhu cầu hội họp;

+ Thiết bị truyền thanh, ánh sáng, loa máy, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi;

- Hệ thống bảng, biển: Biển tên thôn; bản đồ quy hoạch nông thôn mới; bảng niêm yết tiêu chuẩn Gia đình văn hóa, Thôn văn hóa; bảng tin; hương ước; nội quy hoạt động thôn;

- Công trình phụ trợ: nhà vệ sinh, mái che, cổng, hàng rào xanh, khuyến khích có nhà để xe.

b) Khu thể thao thôn:

- Có quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch. Diện tích 500m² trở lên đối với vùng đồng bằng; 300m² trở lên đối với vùng núi (*chưa kể sân bóng đá*);

- Sân bóng đá: Diện tích (45x90)m, (60x100)m hoặc (70x110)m, mặt sân cỏ phẳng, khô thoáng, có cầu môn. Trường hợp đặc biệt thôn không thể bố trí sân bóng đá lớn thì có thể xây dựng sân bóng đá mini tối thiểu 25x42m;

Tùy vào điều kiện thực tế của từng thôn, địa điểm công trình văn hóa, thể thao thôn có thể liền kề hoặc tách rời nhau nhưng phải phù hợp quy hoạch và đảm bảo khai thác hiệu quả.

2.4. Các trường hợp sử dụng cơ sở vật chất hiện có

- Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như hội trường, trung tâm học tập cộng đồng, nhà rông, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa đã xây dựng từ trước để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng;

- Một số địa phương có các thiết chế văn hóa truyền thống như đình làng, nhưng chưa có nhà văn hóa, nếu được sự đồng ý của nhân dân và các đoàn thể tại địa phương, có thể sử dụng thiết chế này tổ chức một số hoạt động văn hóa thể thao phù hợp;

- Một số thôn, làng, bản có số dân ít, địa giới hành chính gần nhau, được sự đồng thuận của nhân dân có thể tổ chức sinh hoạt văn hóa, thể thao tại một nhà văn hóa liên thôn;

- Các địa phương sử dụng hội trường, trung tâm học tập cộng đồng, nhà rông, nhà sinh hoạt cộng đồng, đình làng, nhà văn hóa đã xây dựng từ trước, nhà văn hóa liên thôn tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân vẫn được tính đạt tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 06) trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Về lâu dài các địa phương này cần có lộ trình cụ thể để quy hoạch, đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã; nhà văn hóa - khu thể thao thôn đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

IV. TIÊU CHÍ SỐ 07 -CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi
Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt

2. Giải thích từ ngữ:

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn bao gồm chợ (chợ nông thôn) và các cơ sở bán lẻ khác (cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini) được thiết lập tại địa bàn xã theo các tiêu chí quy định tại Hướng dẫn này;

- Chợ (chợ nông thôn) được hiểu là loại chợ mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư;

- Cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp là loại hình cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đối với cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân;

- Siêu thị mini là loại hình siêu thị có diện tích nhỏ hơn và danh mục hàng hóa kinh doanh ít hơn so với siêu thị hạng III được quy định tại Khoản 3, Điều 3 của Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

- Điểm kinh doanh tại chợ là quầy hàng, sạp hàng, ki ốt, cửa hàng được bố trí trong phạm vi chợ.

3. Phương pháp đánh giá

3.1. Chợ nông thôn

Chợ nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Về diện tích, mặt bằng xây dựng chợ:

+ Có mặt bằng chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ; bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ tối thiểu tại chợ (trông giữ xe, vệ sinh công cộng);

+ Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m².

- Về kết cấu nhà chợ chính: Nhà chợ chính phải bảo đảm kiên cố hoặc bán kiên cố. Chợ bán kiên cố là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP.

- Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:

+ Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý chợ;

+ Nền chợ phải được bê tông hóa;

+ Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng;

+ Có bố trí địa điểm hoặc phương án trông giữ xe (ngoài trời hoặc mái che) phù hợp với lưu lượng người vào chợ, bảo đảm trật tự, an toàn cho khách;

+ Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm;

+ Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ;

+ Có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định bảo đảm cho hoạt động của chợ;

+ Có khu thu gom rác và xử lý rác trong ngày hoặc có khu thu gom rác và phương án vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung;

+ Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm thông thoáng;

+ Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

- Về điều hành quản lý chợ:

+ Có tổ chức quản lý; việc tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý thực hiện theo quy định tại Khoản 6 - Điều 1 - Nghị định số 114/2009/NĐ-CP và Điều 7 - Nghị định số 02/2003/NĐ-CP;

+ Có Nội quy chợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ;

+ Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa;

+ Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2 Cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn

Cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp:

- Có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp, địa chỉ và số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý;

- Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân;

- Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m² trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp;

- Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên;

- Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản của địa phương;

- Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn môi trường, an toàn, thuận tiện cho khách hàng;

- Có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa và đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách hàng;

- Tổ chức, bố trí hàng hóa một cách văn minh, khoa học thuận tiện cho khách hàng lựa chọn, mua sắm và thanh toán;

- Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Siêu thị mini:

- Có bảng hiệu thể hiện tên siêu thị, địa chỉ và số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức, cá nhân quản lý;

- Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân;
- Có diện tích kinh doanh từ 200m² và có bãi để xe với quy mô phù hợp;
- Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên;
- Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, có thiết kế và trang bị kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn môi trường, an toàn, thuận tiện cho khách hàng; có bố trí điểm hoặc phương án trông giữ xe và khu vệ sinh phù hợp cho khách hàng;
- Có kho và các thiết bị kỹ thuật cần thiết phục vụ cho bảo quản hàng hóa (tủ đông, tủ mát...); cho đóng gói, bán hàng (kệ, giá, giò, móc treo...); cho thanh toán và quản lý kinh doanh (thiết bị và phần mềm quản lý...);
- Tổ chức, bố trí hàng hóa theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học để phục vụ khách hàng lựa chọn, mua sắm, thanh toán thuận tiện, nhanh chóng; có nơi bảo quản hành lý cá nhân;
- Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại siêu thị mini không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Xét công nhận xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các nội dung sau:

- Có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đạt chuẩn theo quy định tại hướng dẫn này (mục 3.1 của quy định này);
- Có cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp hoặc 01 siêu thị mini trong quy hoạch đạt chuẩn theo quy định tại hướng dẫn này (mục 3.2 của quy định này).

b) Đối với xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì sẽ không xem xét Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

3.4. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

UBND cấp xã, cấp huyện cần tiến hành rà soát xây dựng mới; bổ sung, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới chợ, cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini trên địa bàn cho phù hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện; Đồng thời xem xét dành quỹ đất phục vụ đầu tư xây dựng chợ, cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp, siêu thị mini để khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh.

V. TIÊU CHÍ SỐ 08- THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi
Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		≥95%	≥85%
	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		≥95%	≥85%
	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		≥100%	≥65%
	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		≥75%	≥50%

2. Giải thích từ ngữ:

- Điểm phục vụ bưu chính là điểm giao dịch của các doanh nghiệp bưu chính để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa;

- Điểm phục vụ dịch vụ viễn thông, Internet công cộng là điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet cho người sử dụng dịch vụ (bao gồm cả các đại lý dịch vụ viễn thông, Internet của doanh nghiệp viễn thông);

- Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng;

- Đài truyền thanh xã là đài truyền thanh do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị, kinh phí và hoạt động theo quy định của pháp luật. Đài truyền thanh xã phân thành hai loại theo phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh: hữu tuyến (qua dây dẫn) và vô tuyến (qua tần số vô tuyến điện);

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động, hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch hoạt động của chính quyền xã.

3. Phương pháp đánh giá:

3.1. Điều kiện đạt đối với xã có điểm phục vụ bưu chính

Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Về cơ sở vật chất:

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương;
- Có treo biển tên điểm phục vụ;
- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ;
- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

b) Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg;
- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

3.2. Điều kiện đạt đối với xã có dịch vụ viễn thông, Internet

Xã có dịch vụ viễn thông, Internet là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Tất cả các thôn, bản trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ: điện thoại cố định mặt đất hoặc thông tin di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: Băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.

b) Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện tại Điểm a - Mục 3.2 thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet.

c) Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3.3. Điều kiện đạt đối với xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

- Có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành;

- Ít nhất 2/3 số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động;

- Có cử người hoạt động không chuyên trách về thông tin và truyền thông phụ trách Đài truyền thanh

3.4. Điều kiện đạt đối với nội dung xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

- Xã có máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, với hệ số máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,3; Cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã có máy vi tính kết nối mạng Internet băng rộng;

- Có sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

- Có sử dụng phần mềm Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước;

- Có sử dụng phần mềm Hệ thống một cửa điện tử;

- Có Cổng/trang thông tin điện tử (có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 2 của xã).

VI. CHỈ TIÊU 17.4 -MAI TÁNG PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH VÀ THEO QUY HOẠCH

1. Chỉ tiêu quy định

Tên chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi
Môi trường và an toàn thực phẩm	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

a) Yêu cầu đạt:

- Quản lý, thực hiện mai táng theo quy định, phong tục tập quán và theo hương ước của địa phương tại các nghĩa trang được quy hoạch;
- Nghĩa trang được xây dựng và quản lý theo quy hoạch.

b) Quy định cụ thể

- Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch nghĩa trang nhân dân thực hiện theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Có quy chế về quản lý nghĩa trang; Nội dung quy chế quản lý nghĩa trang theo quy định tại Khoản 2 - Điều 17 - Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ;

- Về quy hoạch, xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo, đóng cửa nghĩa trang thực hiện theo các yêu cầu:

+ Nghĩa trang thực hiện việc chôn cất phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, hương ước của địa phương, làng, xóm; phù hợp truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại, không phô trương, lãng phí;

+ Quy hoạch xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo, đóng cửa nghĩa trang phải theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các điều kiện như: Các xã hoặc liên xã quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài; mỗi xã nên bố trí nghĩa trang nhân dân với các hình thức mai táng khác nhau. Đối với các điểm dân cư nông thôn của 2- 3 xã gần nhau (trong bán kính 3 km) nên quy hoạch một nghĩa trang chung cho các xã đó. Các xã miền núi nên bố trí theo cụm từ 3- 5 thôn một nghĩa trang;

+ Các nghĩa trang xây dựng mới hoặc mở rộng đều phải có quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được duyệt, công bố quy hoạch tại nghĩa trang;

+ Quy hoạch xây dựng mới: Lựa chọn địa điểm phải bảo đảm các yêu cầu đáp ứng điều kiện về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư; không gây ô nhiễm nguồn nước. Khoảng cách tối thiểu từ ranh giới nghĩa trang đến các công trình khác được quy định tại Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn ban hành theo Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng, cụ thể như sau:

Đối tượng cần cách ly	Khoảng cách tới nghĩa trang		
	Nghĩa trang hung táng	Nghĩa trang chôn một lần	Nghĩa trang cát táng
Từ hàng rào của hộ dân gần nhất	≥ 1.500 m	≥ 500 m	≥ 100 m
Công trình khai thác nước sinh hoạt tập trung	≥ 5.000 m	≥ 5.000 m	≥ 3.000 m

+ Việc xây dựng nghĩa trang phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại QCVN 14:2009/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng nông thôn và QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

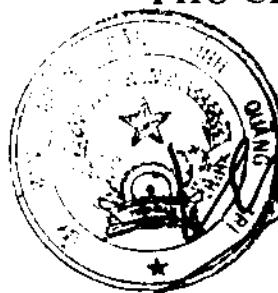
- Về thực hiện mai táng phù hợp với quy định: Thực hiện theo Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng và Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Trên đây là hướng dẫn về đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 do UBND tỉnh Quảng Trị quy định, các tiêu chí còn lại thực hiện theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc; các địa phương, đơn vị có văn bản phản ánh về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đề tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQG;
- Văn phòng điều phối NTM TW;
- VPTU, VPHĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

10/10/10